TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …/2022/HNGĐ - ST
Ngày 26-9-2022
V/v ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung;

Ông Bùi Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lữ Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Anh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Lữ Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau*:

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Anh H chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Bến Cát (nay là xã TH, huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương. Việc chung sống là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay, cảm thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn

đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Hồ Anh H.

Về con chung: Bà và ông Hồ Anh H có 02 con chung tên Hồ Hoàng A, sinh ngày 25/01/2009 và Hồ Thị Hoài T1, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con Hồ Thị Hoài T1, giao con Hồ Hoàng A cho ông H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Hồ Anh H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao hồ sơ khởi kiện, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông Hồ Anh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Lữ Thị T và ông Hồ Anh H chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Bến Cát (nay là xã TH, huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương. Bà T và ông H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, chứng tỏ bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy việc ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông H có 02 con chung tên Hồ Hoàng A, sinh ngày 25/01/2009 và Hồ Thị Hoài T1, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con Hồ Thị Hoài T1, giao con Hồ Hoàng A cho ông H nuôi dưỡng. Tại bản ghi ý kiến cháu A có nguyện vọng được sống cùng với ông H, cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng với bà T nên đề nghị HĐXX giao cháu A cho ông H nuôi dưỡng, cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lữ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Anh H, bị đơn ông H hiện cư trú tại ấp 4, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lữ Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hồ Anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lữ Thị T và ông Hồ Anh H chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Bến Cát (nay là xã TH, huyện Bàu Bàng), tỉnh Bình Dương. Bà T và ông H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, chứng tỏ bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông H có 02 con chung tên Hồ Hoàng A, sinh ngày 25/01/2009 và Hồ Thị Hoài T1, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con Hồ Thị Hoài T1, giao con Hồ Hoàng A cho ông H nuôi dưỡng. Tại bản ghi ý kiến cháu A có nguyện vọng được sống cùng với ông H, cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng với bà T nên HĐXX quyết định giao cháu A cho ông H nuôi dưỡng, cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lữ Thị T đối với bị đơn ông Hồ Anh H về việc "Ly hôn".

2. Về hôn nhân: Bà Lữ Thị T được ly hôn với ông Hồ Anh H.

3. Về con chung: Bà Lữ Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Thị Hoài T1, sinh ngày 02/01/2014. Ông Hồ Anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Hoàng A, sinh ngày 25/01/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lữ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008196 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh